

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: XX khu phố 2, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: YY, phường Bình Hòa, TP.Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: XX, khu phố 2, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ZZ ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/4/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn Đ tại UBND phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM vào ngày 15/10/2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 203, Quyền số 02/02). Trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, tính tình ông Đ gia trưởng, không tôn trọng vợ, thường xuyên ăn nhậu, chửi bới xúc phạm bà T. Do đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2015 bà T đã từng làm đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án và gia đình hòa giải nên bà T rút đơn đề

tạo cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, ông Đ không thay đổi, vợ chồng vẫn thường xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2022 bà T đã sống ly thân với ông Đ, mạnh ai nấy sống, không còn thương yêu, lo lắng, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011. Hiện nay các con đang sống chung với ông Đ. Sau ly hôn bà T đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi các con, bà T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đ thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Lê Thị T trình bày là đúng. Ông Đ thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng, do tính cách hai bên không hòa hợp nên thường phát sinh mâu thuẫn, bà T tự ý bỏ nhà ra ngoài sống riêng, giữa ông Đ và bà T mạnh ai nấy sống, không còn thương yêu, lo lắng, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, do ông Đ là người theo đạo, ông Đ mong muốn con cái có đầy đủ cha và mẹ nên Ông không đồng ý ly hôn bà T. Đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011. Hiện nay các con đang sống chung với ông Đ. Sau ly hôn ông Đ đồng ý trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà T và ông Đ có thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên các bên không tự thỏa thuận được nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Đ nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn,

vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Lê Thị T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[3] Về hôn nhân: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM vào ngày 15/10/2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 203, Quyển số 02/02), do đó hôn nhân của bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông Đ nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, tính tình ông Đ gia trưởng, không tôn trọng vợ, thường xuyên ăn nhậu, chửi bới xúc phạm bà T dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay giữa bà T và ông Đ đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn thương yêu, chia sẻ, quan tâm, lo lắng cho nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà T không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông Đ. Phía bị đơn ông Đ cho rằng ông Đ theo đạo, không muốn vợ chồng ly hôn để con cái sống thiếu cha hay thiếu mẹ. Căn cứ lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng bà T và ông Đ đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không sống chung với nhau, giữa bà T và ông Đ không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông Đ thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông Đ đã không có phương hướng, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ và không thể hiện được thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T và ông Đ có 03 con chung là: Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011.

Bà T đồng ý giao các con cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); đối với cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011 hiện đang sống với ông Đ, phía ông Đ không có ý kiến gì đối với việc trực tiếp nuôi con. Tại Bản tự khai ngày 23/6/2022 và ngày 28/02/2023, các cháu Nguyễn Thành C và Nguyễn Lê Ánh D đều có nguyện vọng sống chung với ba. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của các con, việc bà T đồng ý giao các con cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của các con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014,

cần giao các cháu Nguyễn Thành C và Nguyễn Lê Ánh D cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Phía ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với bà T cho đến khi có đơn yêu cầu của ông Đ.

[5] Về tài sản chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn Đ.

2/. Về nuôi con chung: bà T và ông Đ có 03 con chung là: Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành); Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011.

2.1. Giao con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 26/12/2005 và Nguyễn Lê Ánh D, sinh ngày 09/7/2011 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với bà T cho đến khi ông Đ có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0039301 ngày 26/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Học Môn;
- Chi cục THADS H.Học Môn;
- UBND phường 17, Gò Vấp, TP.HCM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh